

BN: 220704027

Page: 1 / 16

K T QU KI M NGHI M ANALYTICAL RESULT



Tên khách hàng / Client name: H P TÁC XÃ D CH V NÔNG NGHĨ P S BÌNH PH C
Địa chỉ / Address: Khu ph 3, Ph ng Thác M , Th xã Ph c Long, T nh Bình Ph c, Vi t Nam

Mã s m u / Sample ID : 220704027
Tên m u / Name of Sample : Trái b
Mô t m u / Sample description : M u ng trong bao nh a
N n m u / Matrix : Trái cây
Ngày nh n m u / Date of sample received : 04 / 07 / 2022
Th i gian phân tích / Time of analysis : 04 / 07 / 2022 - 08 / 07 / 2022
Ngày tr k t qu / Date of result delivered : 08 / 07 / 2022

STT NO.	Ch tiêu phân tích Parameters	K t qu Results	LOD	n v Unit	Ph ng pháp Method	Analysis equipments
1	1,3-Diphenyl urea	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
2	2,3,5,6-Tetrachloroaniline	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	GC/MS
3	2,4,5-T	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
4	2,4-D	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
5	2,4-DB	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
6	2,4'-DDD	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	GC/MS
7	2,4'-DDE	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	GC/MS
8	2,4'-DDT	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	GC/MS
9	2,4'-Methoxychlor	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	GC/MS
10	2,6-Dichlorobenzonitrile (Dichlobenil)	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	GC/MS
11	2-Phenylphenol	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	GC/MS
12	3,4-Dichloroaniline	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	GC/MS
13	4,4'-DDD	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	GC/MS
14	4,4'-DDE	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	GC/MS
15	4,4'-DDT	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	GC/MS
16	6-Benzylaminopurin (6-BAP)	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
17	Abamectin	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
18	Acephate	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
19	Acequinocyl	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
20	Acetamiprid	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
21	Acibenzolar-S-methyl	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
22	Acrinathrin	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	GC/MS
23	Alachlor	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	GC/MS
24	Alanycarb	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
25	Albendazole	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
26	Aldicarb	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
27	Aldicarb sulfone	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS

BN: 220704027

Page: 2 / 16

K T QU KI M NGHI M ANALYTICAL RESULT



Tên khách hàng / Client name: H P TÁC XÃ D CH V NÔNG NGHIỆP S BÌNH PH C
Địa chỉ / Address: Khu phố 3, Phường Thác M , Th xã Ph c Long, T nh Bình Ph c, Vi t Nam

Mã s m u / Sample ID : 220704027
Tên m u / Name of Sample : Trái b
Mô t m u / Sample description : M u ng trong bao nh a
N n m u / Matrix : Trái cây
Ngày nh n m u / Date of sample received : 04 / 07 / 2022
Th i gian phân tích / Time of analysis : 04 / 07 / 2022 - 08 / 07 / 2022
Ngày tr k t qu / Date of result delivered : 08 / 07 / 2022

STT NO.	Ch tiêu phân tích Parameters	K t qu Results	LOD	n v Unit	Ph ng pháp Method	Analysis equipments
28	Aldicarb sulfoxide	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
29	Aldrin	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	GC/MS
30	Allidochlor	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
31	alpha-Cypermethrin	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	GC/MS
32	alpha-HCH	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	GC/MS
33	Ametoctradin	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
34	Ametryn	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
35	Aminocarb	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
36	Aminocyclopyrachlor	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
37	Aminopyralid	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
38	Aminotriazole	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
39	Amitraz	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
40	Amitrole	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
41	Anilazine	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
42	Anthraquinone	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
43	Atrazine	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
44	Azinphos ethyl	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
45	Azinphos-methyl	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
46	Azoxystrobin	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
47	Benalaxyl	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
48	Bendiocarb	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
49	Benfluralin	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
50	Benfuracarb	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
51	Benomyl	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
52	Bentazone	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
53	Benthiocarb (Thiobencarb)	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
54	Benzovindiflupyr	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
55	Benzoximate	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS

BN: 220704027

Page: 3 / 16

K T QU KI M NGHI M ANALYTICAL RESULT



Tên khách hàng / Client name: H P TÁC XÃ D CH V NÔNG NGHIỆP S BÌNH PH C
Địa chỉ / Address: Khu phố 3, Phường Thác M , Th xã Ph c Long, T nh Bình Ph c, Vi t Nam

Mã s m u / Sample ID : 220704027
Tên m u / Name of Sample : Trái b
Mô t m u / Sample description : M u ng trong bao nh a
N n m u / Matrix : Trái cây
Ngày nh n m u / Date of sample received : 04 / 07 / 2022
Th i gian phân tích / Time of analysis : 04 / 07 / 2022 - 08 / 07 / 2022
Ngày tr k t qu / Date of result delivered : 08 / 07 / 2022

STT NO.	Ch tiêu phân tích Parameters	K t qu Results	LOD	n v Unit	Ph ng pháp Method	Analysis equipments
56	beta-HCH	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	GC/MS
57	Bifenazate	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
58	Bifenthrine	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	GC/MS
59	Bitertanol	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
60	Boscalid	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
61	Brommopropylate	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	GC/MS
62	Bromuconazole	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
63	Buprofezin	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	GC/MS
64	Butocarboxim	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
65	Butoxycarboxim	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
66	Cadusafos	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
67	Captan	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
68	Carbaryl	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
69	Carbendazim	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
70	Carbetamide	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
71	Carbofuran	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
72	Carbofuran-3-OH	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
73	Carbosulfan	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
74	Carboxin	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
75	Carfentrazone ethyl	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
76	Cartap	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
77	Chlorantraniliprole	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
78	Chlordane	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	GC/MS
79	Chlordecone (Kepone)	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	GC/MS
80	Chlorfenapyr	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
81	Chlorfenson (Ovex)	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	GC/MS
82	Chlorfenvinfos	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	GC/MS
83	Chlorfluzuron	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS

BN: 220704027

Page: 4 / 16

K T QU KI M NGHI M ANALYTICAL RESULT



Tên khách hàng / Client name: H P TÁC XÃ D CH V NÔNG NGHIỆP S BÌNH PH C
Địa chỉ / Address: Khu ph 3, Ph ng Thác M , Th xã Ph c Long, T nh Bình Ph c, Vi t Nam

Mã s m u / Sample ID : 220704027
Tên m u / Name of Sample : Trái b
Mô t m u / Sample description : M u ng trong bao nh a
N n m u / Matrix : Trái cây
Ngày nh n m u / Date of sample received : 04 / 07 / 2022
Th i gian phân tích / Time of analysis : 04 / 07 / 2022 - 08 / 07 / 2022
Ngày tr k t qu / Date of result delivered : 08 / 07 / 2022

STT NO.	Ch tiêu phân tích Parameters	K t qu Results	LOD	n v Unit	Ph ng pháp Method	Analysis equipments
84	Chlormequatchloride	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
85	Chlorobenzilate	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	GC/MS
86	Chloroneb	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	GC/MS
87	Chlorothalonil	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	GC/MS
88	Chloroxuron	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
89	Chlorpropham	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
90	Chlorpyrifos	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	GC/MS
91	Chlorpyrifos-methyl	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	GC/MS
92	Chlorthal- dimethyl	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	GC/MS
93	Chlorthiophos	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
94	Chlortoluron	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
95	cis-Chlordane	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	GC/MS
96	cis-Permethrin	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	GC/MS
97	Clethodim	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
98	Clofentezine	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
99	Clomazone (Command)	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
100	Clothianidin	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
101	Coumaphos	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
102	Cyazofamid	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
103	Cycloate	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
104	Cycloxidim	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
105	Cycluron	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
106	Cyflumetofen	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	GC/MS
107	Cyfluthrine	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	GC/MS
108	Cymoxanil	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
109	Cypermethrine	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	GC/MS
110	Cyproconazole	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
111	Cyprodinil	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS

BN: 220704027

Page: 5 / 16

K T QU KI M NGHI M ANALYTICAL RESULT



Tên khách hàng / Client name: H P TÁC XÃ D CH V NÔNG NGHIỆP S BÌNH PH C
Địa chỉ / Address: Khu phố 3, Phường Thác M , Th xã Ph c Long, T nh Bình Ph c, Vi t Nam

Mã s m u / Sample ID : 220704027
Tên m u / Name of Sample : Trái b
Mô t m u / Sample description : M u ng trong bao nh a
N n m u / Matrix : Trái cây
Ngày nh n m u / Date of sample received : 04 / 07 / 2022
Th i gian phân tích / Time of analysis : 04 / 07 / 2022 - 08 / 07 / 2022
Ngày tr k t qu / Date of result delivered : 08 / 07 / 2022

STT NO.	Ch tiêu phân tích Parameters	K t qu Results	LOD	n v Unit	Ph ng pháp Method	Analysis equipments
112	Cypromazine	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
113	Dalapon	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
114	delta-HCH	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	GC/MS
115	Deltamethrine	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	GC/MS
116	Demeton (O-S)	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
117	Desmedipham	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
118	Diafenthuron	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
119	Diallate (cis& trans)	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
120	Diazinon	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	GC/MS
121	Dicamba	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
122	Dichlofluanid	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
123	Dichlorprop	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
124	Dichlorvos	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	GC/MS
125	Diclobutrazol	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
126	Dicloran	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	GC/MS
127	Dicofol	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	GC/MS
128	Dicrotophos	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
129	Dieldrin	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	GC/MS
130	Diethofencarb	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
131	Difenoconazole	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
132	Diflubenzuron	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
133	Dimethachlor	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
134	Dimethenamid- P	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
135	Dimethipin	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	GC/MS
136	Dimethoate	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
137	Dimethomorph	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
138	Dimoxystrobin	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
139	Diniconazole	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS

BN: 220704027

Page: 6 / 16

K T QU KI M NGHI M ANALYTICAL RESULT



Tên khách hàng / Client name: H P TÁC XÃ D CH V NÔNG NGHĨ P S BÌNH PH C
Địa chỉ / Address: Khu ph 3, Ph ng Thác M , Th xã Ph c Long, T nh Bình Ph c, Vi t Nam

Mã s m u / Sample ID : 220704027
Tên m u / Name of Sample : Trái b
Mô t m u / Sample description : M u ng trong bao nh a
N n m u / Matrix : Trái cây
Ngày nh n m u / Date of sample received : 04 / 07 / 2022
Th i gian phân tích / Time of analysis : 04 / 07 / 2022 - 08 / 07 / 2022
Ngày tr k t qu / Date of result delivered : 08 / 07 / 2022

STT NO.	Ch tiêu phân tích Parameters	K t qu Results	LOD	n v Unit	Ph ng pháp Method	Analysis equipments
140	Dinocap	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
141	Dinotefuran	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
142	Dioxacarb	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
143	Diphenamid	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
144	Diphenylamine	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	GC/MS
145	Disulfoton	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	GC/MS
146	Dithiocarbamates (dithiocarbamates expressed as CS ₂ , including maneb, mancozeb, metiram, propineb, thiram and ziram)	KPH	0.05	mg/kg	J. Agric. Food Chem. 2001, 49, 2152-2158	GC/MS
147	Diuron	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
148	Doramectin	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
149	Edifenphos	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	GC/MS
150	Emamectin	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
151	Endosulfan I	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	GC/MS
152	Endosulfan II	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	GC/MS
153	Endosulfan sulfate	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	GC/MS
154	Endrin	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	GC/MS
155	Endrin aldehyde	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	GC/MS
156	Endrin ketone	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	GC/MS
157	EPN	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
158	Epoxiconazole	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
159	Eprinomectin	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
160	Esfenvalerate	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	GC/MS
161	Ethalfuralin	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	GC/MS
162	Ethiofencarb	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
163	Ethion	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	GC/MS
164	Ethiprole	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
165	Ethirimol	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS

BN: 220704027

Page: 7 / 16

K T QU KI M NGHI M ANALYTICAL RESULT



Tên khách hàng / Client name: H P TÁC XÃ D CH V NÔNG NGHIỆP S BÌNH PH C
Địa chỉ / Address: Khu ph 3, Ph ng Thác M , Th xã Ph c Long, T nh Bình Ph c, Vi t Nam

Mã s m u / Sample ID : 220704027
Tên m u / Name of Sample : Trái b
Mô t m u / Sample description : M u ng trong bao nh a
N n m u / Matrix : Trái cây
Ngày nh n m u / Date of sample received : 04 / 07 / 2022
Th i gian phân tích / Time of analysis : 04 / 07 / 2022 - 08 / 07 / 2022
Ngày tr k t qu / Date of result delivered : 08 / 07 / 2022

STT NO.	Ch tiêu phân tích Parameters	K t qu Results	LOD	n v Unit	Ph ng pháp Method	Analysis equipments
166	Ethofumesate	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
167	Ethoprophos	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	GC/MS
168	Ethoxyquin	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
169	Etofenprox	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	GC/MS
170	Etoxazole	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
171	Etrimfos	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
172	Famoxadone	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
173	Fenamidone	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
174	Fenamiphos	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	GC/MS
175	Fenarimol	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	GC/MS
176	Fenazaquin	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
177	Fenbuconazole	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
178	Fenbutatin oxide	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
179	Fenchlorphos	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	GC/MS
180	Fenhexamid	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
181	Fenitrothion	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	GC/MS
182	Fenobucarb	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
183	Fenoprop	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
184	Fenoxaprop-p-ethyl	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
185	Fenoxycarb	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
186	Fenpropathrin	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	GC/MS
187	Fenpropimorph	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
188	Fenpyroximate	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
189	Fenson	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	GC/MS
190	Fensulfothion	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	GC/MS
191	Fenthion	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	GC/MS
192	Fenuron	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
193	Fenvalerate	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	GC/MS

BN: 220704027

Page: 8 / 16

K T QU KI M NGHI M ANALYTICAL RESULT



Tên khách hàng / Client name: H P TÁC XÃ D CH V NÔNG NGHIỆP S BÌNH PH C
Địa chỉ / Address: Khu phố 3, Phường Thác M , Th xã Ph c Long, T nh Bình Ph c, Vi t Nam

Mã s m u / Sample ID : 220704027
Tên m u / Name of Sample : Trái b
Mô t m u / Sample description : M u ng trong bao nh a
N n m u / Matrix : Trái cây
Ngày nh n m u / Date of sample received : 04 / 07 / 2022
Th i gian phân tích / Time of analysis : 04 / 07 / 2022 - 08 / 07 / 2022
Ngày tr k t qu / Date of result delivered : 08 / 07 / 2022

STT NO.	Ch tiêu phân tích Parameters	K t qu Results	LOD	n v Unit	Ph ng pháp Method	Analysis equipments
194	Fipronil	KPH	0.005	mg/kg	AOAC 2007.01	GC/MS
195	Fluazifop- <i>p</i> -butyl	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
196	Fluazinam	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
197	Flubendazole	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
198	Flubendiamide	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
199	Fluchloralin	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	GC/MS
200	Flucythrinate	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	GC/MS
201	Fludioxonil	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	GC/MS
202	Flufenacet (Fluthiamide)	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
203	Flufenoxuron	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
204	Flumethrin	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	GC/MS
205	Fluopicolide	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
206	Fluopyram	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
207	Fluoxastrobin	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
208	Fluquinconazole	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
209	Flusilazole	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
210	Flutolanil	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
211	Flutriafol	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
212	Fluxapyroxad	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
213	Folpet	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
214	Fonofos	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
215	Forchlorfenuron	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
216	Formetanate HCl	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
217	Fuberidazole	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
218	Fuberidazole	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
219	gamma-HCH (Lindane)	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	GC/MS
220	Halofenozide	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
221	Haloxypop	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS

BN: 220704027

Page: 9 / 16

K T QU KI M NGHI M ANALYTICAL RESULT



Tên khách hàng / Client name: H P TÁC XÃ D CH V NÔNG NGHIỆP S BÌNH PH C
Địa chỉ / Address: Khu phố 3, Phường Thác M , Th xã Ph c Long, T nh Bình Ph c, Vi t Nam

Mã s m u / Sample ID : 220704027
Tên m u / Name of Sample : Trái b
Mô t m u / Sample description : M u ng trong bao nh a
N n m u / Matrix : Trái cây
Ngày nh n m u / Date of sample received : 04 / 07 / 2022
Th i gian phân tích / Time of analysis : 04 / 07 / 2022 - 08 / 07 / 2022
Ngày tr k t qu / Date of result delivered : 08 / 07 / 2022

STT NO.	Ch tiêu phân tích Parameters	K t qu Results	LOD	n v Unit	Ph ng pháp Method	Analysis equipments
222	Heptachlor	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	GC/MS
223	Heptachlor epoxide	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	GC/MS
224	Hexachlorobenzene	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	GC/MS
225	Hexaconazole	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
226	Hexaflumuron	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
227	Hexazinone (Velpar)	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
228	Hexythiazox	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
229	Imazalil	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
230	Imidacloprid	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
231	Indoxacarb	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
232	Ipconazole	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
233	Iprodione	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	GC/MS
234	Iprovalicarb	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
235	Isazophos	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
236	Isocarbophos	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
237	Isofenphos	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
238	Isofenphos - oxon	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
239	Isofenphos-methyl	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	GC/MS
240	Isoprocab	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
241	Isopropalin	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
242	Isoprothiolane	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
243	Isoproturon	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
244	Isopyrazam	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
245	Isoxaflutole	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
246	Ivermectin	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
247	Kresoxim methyl	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
248	Lamda-Cyhalothrin	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	GC/MS
249	Lenacil	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS

BN: 220704027

Page: 10 / 16

K T QU KI M NGHI M ANALYTICAL RESULT



Tên khách hàng / Client name: H P TÁC XÃ D CH V NÔNG NGHIỆP S BÌNH PH C
Địa chỉ / Address: Khu phố 3, Phường Thác M , Th xã Ph c Long, T nh Bình Ph c, Vi t Nam

Mã s m u / Sample ID : 220704027
Tên m u / Name of Sample : Trái b
Mô t m u / Sample description : M u ng trong bao nh a
N n m u / Matrix : Trái cây
Ngày nh n m u / Date of sample received : 04 / 07 / 2022
Th i gian phân tích / Time of analysis : 04 / 07 / 2022 - 08 / 07 / 2022
Ngày tr k t qu / Date of result delivered : 08 / 07 / 2022

STT NO.	Ch tiêu phân tích Parameters	K t qu Results	LOD	n v Unit	Ph ng pháp Method	Analysis equipments
250	Leptophos	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	GC/MS
251	Linuron	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
252	Lufenuron	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
253	Malathion	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	GC/MS
254	Mandipropamid	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
255	MCPA	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
256	Mecarbam	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
257	Mecoprop	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
258	Mefenacet	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
259	Mepanipyrim	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
260	Mepronil	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
261	Meptyldinocap	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
262	Merphos	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	GC/MS
263	Mesotrione	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
264	Metaflumizone	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
265	Metalaxyl	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	GC/MS
266	Metazachlor	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
267	Metconazole	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
268	Methabenzthiazuron	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
269	Methacrifos	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	GC/MS
270	Methamidophos	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
271	Methidathion	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	GC/MS
272	Methiocarb	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
273	Methomyl	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
274	Methoprene	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
275	Methoprotryne	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
276	Methoxychlor	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	GC/MS
277	Methoxyfenozide	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS

BN: 220704027

Page: 11 / 16

K T QU KI M NGHI M ANALYTICAL RESULT



Tên khách hàng / Client name: H P TÁC XÃ D CH V NÔNG NGHIỆP S BÌNH PH C
Địa chỉ / Address: Khu phố 3, Phường Thác M , Th xã Ph c Long, T nh Bình Ph c, Vi t Nam

Mã s m u / Sample ID : 220704027
Tên m u / Name of Sample : Trái b
Mô t m u / Sample description : M u ng trong bao nh a
N n m u / Matrix : Trái cây
Ngày nh n m u / Date of sample received : 04 / 07 / 2022
Th i gian phân tích / Time of analysis : 04 / 07 / 2022 - 08 / 07 / 2022
Ngày tr k t qu / Date of result delivered : 08 / 07 / 2022

STT NO.	Ch tiêu phân tích Parameters	K t qu Results	LOD	n v Unit	Ph ng pháp Method	Analysis equipments
278	Metobromuron	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
279	Metolachlor	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
280	Metominostrobin	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
281	Metrafenone	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
282	Metribuzin	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
283	Metronidazol	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
284	Mevinphos (Phosdrin)	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
285	Mexacarbate (Zectran)	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
286	Mirex	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	GC/MS
287	Molinate	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	GC/MS
288	Monceren (Pencycuron)	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
289	Monocrotophos	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
290	Monolinuron	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
291	Moxidectin	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
292	Myclobutanil	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
293	N-(2,4-Dimethylphenyl)formamide	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
294	Naled	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
295	Naphthalene	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	GC/MS
296	Neburon	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
297	Nitenpyram	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
298	Nitralin	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
299	Norflurazon	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
300	Novaluron	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
301	Nuarimol	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
302	Omethoate	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
303	Oxadiazon	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	GC/MS
304	Oxamyl	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
305	Oxydemeton-methyl	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS

BN: 220704027

Page: 12 / 16

K T QU KI M NGHI M ANALYTICAL RESULT



Tên khách hàng / Client name: H P TÁC XÃ D CH V NÔNG NGHIỆP S BÌNH PH C
Địa chỉ / Address: Khu phố 3, Phường Thác M , Th xã Ph c Long, T nh Bình Ph c, Vi t Nam

Mã s m u / Sample ID : 220704027
Tên m u / Name of Sample : Trái b
Mô t m u / Sample description : M u ng trong bao nh a
N n m u / Matrix : Trái cây
Ngày nh n m u / Date of sample received : 04 / 07 / 2022
Th i gian phân tích / Time of analysis : 04 / 07 / 2022 - 08 / 07 / 2022
Ngày tr k t qu / Date of result delivered : 08 / 07 / 2022

STT NO.	Ch tiêu phân tích Parameters	K t qu Results	LOD	n v Unit	Ph ng pháp Method	Analysis equipments
306	Oxyfluorfen	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
307	Paclobutrazol	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
308	Parathion-ethyl	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	GC/MS
309	Parathion-methyl	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	GC/MS
310	Penconazole	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
311	Pendimethalin	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
312	Pentachloroanisole	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	GC/MS
313	Pentachlorobenzonitrile	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	GC/MS
314	Pentachlorothioanisole	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	GC/MS
315	Penthiopyrad	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
316	Permethrin	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	GC/MS
317	Phenmedipham	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
318	Phenothrin	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	GC/MS
319	Phenthoate	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
320	Phorate	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	GC/MS
321	Phosalone	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
322	Phosmet	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
323	Phosphamidon	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
324	Phoxim	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
325	Picoxystrobin	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
326	Piperonyl butoxide	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
327	Pirimicarb	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
328	Pirimiphos -ethyl	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	GC/MS
329	Pirimiphos- methyl	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	GC/MS
330	Prochloraz	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
331	Procymidone	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
332	Profenofos	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	GC/MS
333	Promecarb	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS

BN: 220704027

Page: 13 / 16

K T QU KI M NGHI M ANALYTICAL RESULT



Tên khách hàng / Client name: H P TÁC XÃ D CH V NÔNG NGHIỆP S BÌNH PH C
Địa chỉ / Address: Khu phố 3, Phường Thác M , Th xã Ph c Long, T nh Bình Ph c, Vi t Nam

Mã s m u / Sample ID : 220704027
Tên m u / Name of Sample : Trái b
Mô t m u / Sample description : M u ng trong bao nh a
N n m u / Matrix : Trái cây
Ngày nh n m u / Date of sample received : 04 / 07 / 2022
Th i gian phân tích / Time of analysis : 04 / 07 / 2022 - 08 / 07 / 2022
Ngày tr k t qu / Date of result delivered : 08 / 07 / 2022

STT NO.	Ch tiêu phân tích Parameters	K t qu Results	LOD	n v Unit	Ph ng pháp Method	Analysis equipments
334	Prometon	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
335	Prometryn	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
336	Propachlor	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
337	Propamocarb	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
338	Propanil	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
339	Propargite	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	GC/MS
340	Propazine	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
341	Propetamphos	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
342	Propham	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
343	Propiconazole	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
344	Propisochlor	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	GC/MS
345	Propoxur	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
346	Propyzamide	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
347	Prothioconazole	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
348	Prothiophos	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	GC/MS
349	Pymetrozine	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
350	Pyracarbolid	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
351	Pyraclostrobin	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
352	Pyrazophos	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	GC/MS
353	Pyrethrins	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	GC/MS
354	Pyridaben	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
355	Pyridaphenthion	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
356	Pyrimethanil	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
357	Pyriproxyfen	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	GC/MS
358	Quinalphos	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
359	Quinomethionate (Chinomethionat)	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
360	Quinoxifen	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
361	Quintozone	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	GC/MS

BN: 220704027

Page: 14 / 16

K T QU KI M NGHI M ANALYTICAL RESULT



Tên khách hàng / Client name: H P TÁC XÃ D CH V NÔNG NGHIỆP S BÌNH PH C
Địa chỉ / Address: Khu phố 3, Phường Thác M , Th xã Ph c Long, T nh Bình Ph c, Vi t Nam

Mã s m u / Sample ID : 220704027
Tên m u / Name of Sample : Trái b
Mô t m u / Sample description : M u ng trong bao nh a
N n m u / Matrix : Trái cây
Ngày nh n m u / Date of sample received : 04 / 07 / 2022
Th i gian phân tích / Time of analysis : 04 / 07 / 2022 - 08 / 07 / 2022
Ngày tr k t qu / Date of result delivered : 08 / 07 / 2022

STT NO.	Ch tiêu phân tích Parameters	K t qu Results	LOD	n v Unit	Ph ng pháp Method	Analysis equipments
362	Resmethrin	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	GC/MS
363	Rotenone	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
364	Saflufenacil	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
365	Secbumeton	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
366	Sedaxane	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
367	Siduron	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
368	Simazine	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
369	Simetryn	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
370	Spinetoram	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
371	Spinosad	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
372	Spirodiclofen	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
373	Spiromesifen	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
374	Spirotetramat	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
375	Spiroxamine	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
376	Stirophos (Tetrachlorvinphos)	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
377	Sulfentrazone	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
378	Sulfotep	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	GC/MS
379	Sulfoxaflor	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
380	Sulprofos	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	GC/MS
381	Tau-Fluvalinate	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	GC/MS
382	Tebuconazole	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
383	Tebufozide	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
384	Tebufozpyrad	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
385	Tebufothiuron	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
386	Teflubenzuron	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
387	Tefluthrin	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	GC/MS
388	Temephos (Abate)	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
389	Terbufos	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS

BN: 220704027

Page: 15 / 16

K T QU KI M NGHI M ANALYTICAL RESULT



Tên khách hàng / Client name: H P TÁC XÃ D CH V NÔNG NGHIỆP S BÌNH PH C
Địa chỉ / Address: Khu phố 3, Phường Thác M , Th xã Ph c Long, T nh Bình Ph c, Vi t Nam

Mã s m u / Sample ID : 220704027
Tên m u / Name of Sample : Trái b
Mô t m u / Sample description : M u ng trong bao nh a
N n m u / Matrix : Trái cây
Ngày nh n m u / Date of sample received : 04 / 07 / 2022
Th i gian phân tích / Time of analysis : 04 / 07 / 2022 - 08 / 07 / 2022
Ngày tr k t qu / Date of result delivered : 08 / 07 / 2022

STT NO.	Ch tiêu phân tích Parameters	K t qu Results	LOD	n v Unit	Ph ng pháp Method	Analysis equipments
390	Terbumeton	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
391	Terbuthylazine	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
392	Terbutryn	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
393	Tetraconazole	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
394	Tetramethrin	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	GC/MS
395	Thiabendazole	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
396	Thiacloprid	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
397	Thiamethoxam	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
398	Thidiazuron	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
399	Thiodicarb	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
400	Thiofanox	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
401	Thiometon	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	GC/MS
402	Thiophanate-methyl	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
403	Thiram	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
404	THPI (Tetrahydrophthalimide)	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
405	Tolclofos-methyl	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
406	Tolfenpyrad	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
407	Tolyflunaid	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
408	Tralomethrin	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	GC/MS
409	trans-Chlordane	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	GC/MS
410	trans-Nonachlor	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	GC/MS
411	trans-Permethrin	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	GC/MS
412	Triadimefon	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
413	Triadimenol	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
414	Triallate	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
415	Triazophos	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
416	Trichlorfon (Dipterex)	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
417	Trichloronat	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	GC/MS

BN: 220704027

Page: 16 / 16

K T QU KI M NGHI M
ANALYTICAL RESULT



Tên khách hàng / Client name: H P TÁC XÃ D CH V NÔNG NGHIỆP S BÌNH PH C
Địa chỉ / Address: Khu ph 3, Ph ng Thác M , Th xã Ph c Long, T nh Bình Ph c, Vi t Nam

Mã s m u / Sample ID : 220704027
Tên m u / Name of Sample : Trái b
Mô t m u / Sample description : M u ng trong bao nh a
N n m u / Matrix : Trái cây
Ngày nh n m u / Date of sample received : 04 / 07 / 2022
Th i gian phân tích / Time of analysis : 04 / 07 / 2022 - 08 / 07 / 2022
Ngày tr k t qu / Date of result delivered : 08 / 07 / 2022

STT NO.	Ch tiêu phân tích Parameters	K t qu Results	LOD	n v Unit	Ph ng pháp Method	Analysis equipments
418	Triclosan	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
419	Tricyclazole	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
420	Trifloxystrobin	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
421	Triflumizole	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
422	Triflumuron	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS
423	Trifluralin	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	GC/MS
424	Triticonazole	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
425	Vamidotion	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	LC/MS/MS
426	Vinclozolin	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01 (ii)(*)	GC/MS
427	Zoxamide	KPH	0.01	mg/kg	AOAC 2007.01	LC/MS/MS

L u ý: K t qu phân tích trên ph n m u ã b h t

Ghi chú / Note:

K t qu phân tích trên c ph n v và ru t / The result tested on skin and flesh.

KPH / N.D: Không phát hi n / Not - Detected; LOD: Gi i h n phát hi n / Limit of Detection.

(*) Ph ng pháp c Vilas (ISO/IEC 17025:2017) công nh n / The method is accredited by Bureau of Accreditation (VILAS)

(ii) Ph ng pháp c C c Qu n Lý Ch t L ng Nông Lâm S n và Th y S n công nh n (NAFIQAD) / The method is accredited by National Agro - Forestry - Fisheries Quality Assurance Department (NAFIQAD)

Ph trách phòng thí nghi m
Officer in charge of laboratory

MS. Trinh Thi Minh Nguyet

Giám c
Director

MBA. Nguyen Thi Kieu Hanh